

Bản án số: 65/2023/DS-ST

Ngày 27 - 9 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Thắng.

2. Ông Lục Viết Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 27-9-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2023/TLST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-DS ngày 25/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-DS ngày 11/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng A). Địa chỉ trụ sở chính: Số B, L, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đồng Tiến V1 - Giám đốc chi nhánh C - Bắc Giang II. Địa chỉ chi nhánh :, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông V1: Ông Nguyễn Hồng K - Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961 – (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Phù Tên G, sinh năm 1954 – (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, ông Nguyễn Hồng K trình bày:

Ngày 10/09/2020, bà Nguyễn Thị S và ông Phù Tền G (ủy quyền cho bà S) đã ký hợp đồng tín dụng số 2514LAV202001642 với Ngân hàng N, Chi nhánh C - B, số tiền vay là 100.000.000 đồng (trong đó: Vay hạn mức sản xuất kinh doanh, nhu cầu đời sống là 90.000.000 đồng, vay hạn mức thấu chi là: 10.000.000 đồng), thời hạn vay 36 tháng.

Ngày 15/9/2020, Ngân hàng A đã giải ngân số tiền 50.000.000 đồng, việc giải ngân số tiền trên được chuyển vào tài khoản số 2514205137712 của bà Nguyễn Thị S tại Ngân hàng A, chi nhánh C, Bắc Giang II theo Đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 2514LDS20200380. Mục đích tiền vay: Chăn nuôi lợn, thời hạn vay: 24 tháng, lãi xuất cho vay 11%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả: 10%/năm trên số lãi chậm trả. Định kỳ hạn trả nợ gốc và lãi: Ngày 10/9/2021 trả 20.000.000 đồng tiền gốc và lãi, Ngày 10/9/2022 trả 30.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Ngân hàng A giữ 01 giấy chứng nhận QSD đất số Q103014 do UBND huyện Y cấp ngày 28/12/2000.

Kể từ ngày vay đến nay bà S, ông G trả được 1.989.042 đồng tiền lãi. Đến sáng ngày 27/9/2023 bà S, ông G trả được 16.000.000 đồng tiền lãi. Ngân hàng A có ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc. Tính đến ngày 27/9/2023 bà S, ông G còn nợ Ngân hàng A số tiền gốc 34.000.000 đồng, tiền lãi 18.377.758 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị S, ông Phù Tền G trả cho ngân hàng N tổng số nợ là 52.377.758 đồng (Năm hai triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi tám đồng). Trong đó: 34.000.000 đồng tiền gốc và 18.377.758 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 28/9/2023 bà Nguyễn Thị S và ông Phù Tền G còn phải tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng 2514LAV202001642 ngày 10/9/2020 và Đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 2514LDS202003801 ngày 15/9/2020.

* Tại các lời khai trong hồ sơ bà Nguyễn Thị S và ông Phù Tền G trình bày:

Ông G, bà S là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn và hiện vẫn chung sống phát triển kinh tế chung. Ngày 10/9/2020 ông bà có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N, chi nhánh C, Bắc Giang II và vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi xuất 11%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả: 10%/năm trên số lãi chậm trả; mục đích vay để chăn nuôi. Kể từ ngày

vay đến nay vợ chồng ông G, bà S mới trả được 1.989.042 đồng tiền lãi. Ông G, bà S thừa nhận còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 18/8/2023 là 17.278.081 đồng nhưng vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tuổi cao nên xin được trả tiền lãi còn tiền gốc thì xin ngân hàng tạo điều kiện cho đáo hạn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Thị S và ông PhùTên G1 chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, 273 BLTTDS; Áp dụng Điều 288; Điều 463, Điều 466, Điều 470 BLDS; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà S, ông G1 phải liên đới trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 52.377.758 đồng; trong đó nợ gốc: 34.000.000 đồng; nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2023: 18.377.758 đồng.

Về án phí: Bà S, ông G1 được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà S, ông G1 trả tiền theo hợp đồng tín dụng số 2514LAV202001642 và báo cáo đề xuất giải ngân số 2514LDS202003801, bà S, ông G1 vay tiền để chăn nuôi, trồng trọt nên đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Bà S, ông G1 cùng có địa chỉ cư trú tại huyện Y nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Ông Nguyễn Hồng K vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà S, ông G1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra ngày 10/9/2020 nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết theo quy định tại Điều 689 của Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà S, ông G1 trả nợ, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về trách nhiệm trả nợ: Bà S, ông G1 có vay tiền tại Ngân hàng A. Hợp đồng tín dụng đã ký là đúng theo trình tự quy định của pháp luật, bên cho vay và bên vay tiền đều thừa nhận việc vay nợ và nhất trí trả nợ là phù hợp với Hợp đồng tín dụng số 2514LAV202001642 và báo cáo đề xuất giải ngân số 2514LDS202003801 đã ký kết giữa Ngân hàng với bà S, ông G1. Đến nay, bà S, ông G1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông G1, bà S thừa nhận còn nợ Ngân hàng A số tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi nhưng đến ngày 27/9/2023 ông G1, bà S đã trả 16.000.000 đồng tiền gốc đồng thời Ngân hàng A cũng thay đổi yêu cầu bà S, ông G1 trả 50.000.000 đồng tiền gốc thành yêu cầu ông G1, bà S trả 34.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên theo quy định khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự cần chấp nhận. Ông G1, bà S đề nghị xin được trả tiền lãi còn tiền gốc đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho đáo hạn nhưng Ngân hàng A không đồng ý. Do bà S, ông G1 không chấp hành trả nợ đúng theo các kỳ trả nợ đã phân kỳ là vi phạm điểm c khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 2514LAV202001642 ngày 10/9/2020 và mục II.6 báo cáo đề xuất giải ngân số 2514LDS202003801 nên Ngân hàng có quyền thu hồi nợ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 2514LAV202001642 ngày 10/9/2020. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà S, ông G1 phải trả cho Ngân hàng A số tiền gốc còn lại là 34.000.000 đồng.

- Về lãi xuất: Các bên có thỏa thuận lãi suất 11%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả: 10%/năm trên số lãi chậm trả, lãi suất được điều chỉnh theo quý và vào ngày 15 của tháng đầu quý. Nay Ngân hàng A yêu cầu ông G1, bà S trả cho ngân hàng lãi tính đến ngày 27/9/2023 là 18.377.758 đồng (có bảng kê tính lãi kèm theo). Yêu cầu trên là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, do đó cần chấp nhận.

Ngoài ra, bà S ông G1 còn phải chịu số lãi phát sinh từ ngày 28/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng, khế ước đã ký với Ngân hàng A.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Bà **Nguyễn Thị S**, ông **Phù Tềng G2** thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 207; khoản 1 Điều 244; khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288; Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 468, Điều 689 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà **Nguyễn Thị S**, ông **Phù Tềng G2** phải trả cho **Ngân hàng N** số tiền gốc là 34.000.000 đồng (Ba mươi tư triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 27/9/2023 là 18.377.758 đồng (mười tám triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi tám đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 52.377.758 đồng (Năm mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất Hợp đồng tín dụng số 2514LAV202001642 ngày 10/9/2020 và Báo cáo đề xuất giải ngân số 2514LDS202003801 ngày 15/9/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

2. Về tiền án phí: **Ngân hàng N** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả **Ngân hàng N** số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009224 ngày 26/6/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu.

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà **Nguyễn Thị S** và ông **Phù Tềng G2**.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Thảo